

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hội Tư vấn Thuế tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Tư vấn Thuế tỉnh Thanh Hóa; của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 56/TTr-SNV ngày 20/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Tư vấn Thuế tỉnh Thanh Hóa đã được Đại hội nhiệm kỳ lần thứ II của Hội thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2024.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Hội Tư vấn Thuế tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đầu Thanh Tùng

ĐIỀU LỆ (sửa đổi, bổ sung)
HỘI TƯ VẤN THUẾ TỈNH THANH HÓA
(Phê duyệt kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Hội Tư vấn Thuế tỉnh Thanh Hóa.
- Tên tiếng Anh: Tax Consultants Association of Thanh Hoa province.
- Tên viết tắt: TCATP.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Tư vấn Thuế tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công dân, tổ chức Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ làm thủ tục về thuế, dịch vụ tư vấn thuế hoặc có liên quan đến thuế trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

- Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.
- Trụ sở của Hội đặt tại: Tầng 5 lô 13 đường Nguyễn Duy Hiệu, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

- Hội hoạt động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong các lĩnh vực liên quan đến chế độ, chính sách thuế theo quy định của pháp luật.
- Hội chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, sự quản lý của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa và các sở, ngành khác có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

- Tự nguyện, tự quản.
- Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II **QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ**

Điều 6. Quyền hạn

1. Tổ chức, hoạt động theo điều lệ hội đã được phê duyệt.
2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của hội. Được cung cấp thông tin, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của hội.
4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội, hội viên và cộng đồng phù hợp với tôn chỉ, mục đích của hội.
5. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của hội.
6. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.
7. Tham gia các chương trình, dự án, đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các hoạt động tư vấn, phản biện chính sách theo đề nghị của cơ quan nhà nước; tham gia cung cấp dịch vụ công, tổ chức dạy nghề theo quy định của pháp luật.
8. Thành lập và quản lý chặt chẽ tổ chức thuộc hội theo quy định của pháp luật và điều lệ hội phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của hội.
9. Được tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của hội. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển hội và lĩnh vực hội hoạt động. Được tham gia tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực, chứng chỉ khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
10. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của hội.
11. Thu hội phí của hội viên và hoạt động tạo nguồn thu từ kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
12. Được tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của hội.

13. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao (nếu có).

14. Khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và điều lệ hội.

15. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến hội.

16. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội và Điều lệ Hội.

2. Không được lợi dụng hoạt động của hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan; hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép làm rối loạn thị trường trong nước.

3. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Hội phải chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Tập hợp, phát triển hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội và thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

6. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Hội hoạt động, Điều lệ Hội, quy chế, quy định của Hội và bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tới hội viên.

7. Đề xuất sửa đổi, bổ sung điều lệ; quản lý chặt chẽ hoạt động của tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật và điều lệ; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định của Hội để làm cơ sở cho Hội tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

8. Tuân thủ các quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ nước ngoài và các quy định pháp luật khác có liên quan; quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ, viện trợ và chịu trách nhiệm là chủ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

9. Báo cáo hồ sơ tổ chức đại hội theo quy định.

10. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban kiểm tra, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Hội phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

11. Báo cáo việc thành lập các tổ chức thuộc Hội với Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện tổ chức, hoạt động của các tổ chức này theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

12. Hàng năm, Hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

13. Báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

14. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và Điều lệ Hội.

15. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, tổ chức thuộc Hội, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội, biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Hội.

16. Kinh phí thu được theo quy định của pháp luật phải dành cho hoạt động Hội theo quy định của Điều lệ Hội, không được chia cho hội viên.

17. Việc sử dụng kinh phí của Hội phải chấp hành quy định của pháp luật và Điều lệ Hội đảm bảo công khai, minh bạch; nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê theo quy định của pháp luật; phải đăng ký mã số thuế và kê khai thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Hàng năm, Hội báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, cơ quan tài chính cùng cấp, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Chịu sự thanh tra, kiểm tra về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội.

18. Ban hành các quy chế về hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Hội; quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội; khen thưởng, kỷ luật; quản lý hội viên; giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội; quản lý và sử dụng con dấu của Hội và các quy định khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

19. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

20. Cập nhật tình hình tổ chức, hoạt động của Hội vào cơ sở dữ liệu về Hội và phối hợp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về Hội.

21. Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng, phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

22. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội bao gồm: Hội viên chính thức, Hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức:

- Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực tư vấn thuế, dịch vụ về thuế, có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được xét kết nạp là hội viên chính thức của Hội;

- Hội viên tập thể: Tổ chức được phép hành nghề dịch vụ đại lý thuế hoặc các hoạt động có liên quan đến thuế ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, đóng hội phí hàng năm, được Văn phòng Hội trình Ban Thường vụ Hội xem xét, đề nghị Chủ tịch Hội ra quyết định kết nạp;

b) Hội viên liên kết: Tổ chức cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo pháp luật Việt Nam, không đủ điều kiện để trở thành hội viên chính thức; có nhu cầu phối hợp với Hội tư vấn thuế tỉnh để được hỗ trợ tư vấn trong việc thực hiện các quy định của pháp luật thuế; tán thành điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, đóng hội phí hàng năm theo điều lệ Hội.

c) Hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam có uy tín, năng lực và kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến thuế, có công lao đóng góp xây dựng và phát triển Hội, được Ban Thường vụ Hội mời làm hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không vi phạm pháp luật, có văn bằng đào tạo theo quy định hiện hành thuộc các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật đã và đang làm việc trong lĩnh vực thuộc các chuyên ngành được đào tạo hoặc có chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, tán thành Điều lệ, tự nguyện gia nhập Hội, đóng hội phí hàng năm.

b) Hội viên tổ chức của Hội là tổ chức được phép hành nghề dịch vụ đại lý thuế hoặc các hoạt động có liên quan đến thuế ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, đóng hội phí hàng năm.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật..

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử vào các cơ quan, chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Hội viên có thành tích thì được Hội khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Hội viên được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

8. Hội viên liên kết và Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như Hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Nêu cao tinh thần đoàn kết và không ngừng phấn đấu nâng cao trình độ, khả năng về mọi mặt, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ về kê khai, tính thuế, nắm vững các chính sách chế độ thuế, xây dựng Hội phát triển bền vững.

3. Giữ gìn và đề cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tư vấn thuế.

4. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, danh tiếng của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

5. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

6. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

7. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên

1. Hồ sơ xin gia nhập Hội:

a) Đơn xin gia nhập Hội (theo mẫu do Hội quy định);

b) Bản sao Căn cước (đối với cá nhân); hoặc Bản sao quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đối với tổ chức).

2. Thẩm quyền kết nạp Hội viên: Khi Hội viên có đủ điều kiện để trở thành hội viên, Văn phòng Hội tổng hợp, trình Ban Thường vụ, Chủ tịch Hội xem xét quyết định.

3. Văn phòng Hội có trách nhiệm thông báo tới hội viên được kết nạp và công khai trên trang tin điện tử của Hội danh sách hội viên mới trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày hội viên được kết nạp.

Điều 12. Chấm dứt tư cách hội viên

1. Tư cách hội viên sẽ chấm dứt tên trong danh sách hội viên trong các trường hợp sau:

- a) Hội viên tự nguyện xin ra khỏi Hội;
- b) Hội viên vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Hội, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín, danh dự và tài chính của Hội hoặc hội viên khác thì bị khai trừ ra khỏi Hội;
- c) Hội viên bị kết án bởi bản án của toà án hoặc bị cơ quan nhà nước đình chỉ hoạt động, bị giải thể hay bị tuyên bố phá sản (đối với tổ chức);
- d) Hội viên bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- đ) Hội viên không tham gia sinh hoạt Hội hoặc không đóng hội phí từ một năm trở lên;
- e) Hội viên bị quản chế hành chính.

2. Việc chấm dứt tên hội viên do Văn phòng Hội trình Ban Thường vụ Hội và Chủ tịch Hội quyết định.

3. Văn phòng Hội có trách nhiệm thông báo tới hội viên bị chấm dứt tên và công khai trên trang tin điện tử của Hội trong vòng 3 (ba) ngày, kể từ ngày hội viên bị xoá tên.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 13. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban kiểm tra.
5. Văn phòng Hội, các ban chuyên môn.

Điều 14. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

- a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự Đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;
- b) Thông qua chương trình Đại hội, quy chế Đại hội, quy chế bầu cử;
- c) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo của Hội; báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; báo cáo tài chính của Hội;
- d) Thông qua điều lệ Hội hoặc thảo luận đổi tên Hội (nếu có) thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành;
- đ) Chia, tách; sáp nhập, hợp nhất (nếu có);
- e) Thông qua đề án nhân sự Đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của Hội; đề cử, ứng cử vào danh sách Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;
- g) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;
- h) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Hội (nếu có);
- i) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

- a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;
- b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 tổng số đại biểu chính thức được triệu tập tán thành.

Điều 15. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ Đại hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi của ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

- a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;
- b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;
- c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;
- d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động

của hội, các quy chế khác và quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, ủy viên Ban Kiểm tra; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra bầu bổ sung không được quá 1/3 số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định. Tổng số thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra (kể cả ủy viên Ban Chấp hành, Ban kiểm tra được bổ sung) không vượt quá số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 (hai) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành. Ban Chấp hành có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Chấp hành quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản.

Điều 16. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên. Số lượng ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định nhưng không quá 1/3 (một phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành Hội. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành). Quyết định các kế hoạch công tác, chương trình hoạt động của các ban chuyên môn, đơn vị và tổ chức trực thuộc Hội; (Các Trưởng Ban chuyên môn của Hội do Ban thường vụ thông qua và Chủ tịch Hội quyết định).

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ ba tháng họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ. Ban Thường vụ có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Thường vụ quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản.

Điều 17. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban và một số ủy viên do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội;

c) Kiểm tra việc thu, chi tài chính của Hội; báo cáo kết quả kiểm tra tại các cuộc họp thường niên của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Hội;

d) Kết luận về các đợt kiểm tra phải thông báo đầy đủ cho Ban Chấp hành Hội, Văn phòng Hội và các ban chuyên môn.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Thường vụ ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 18. Văn phòng Hội, các ban chuyên môn

1. Văn phòng Hội, các ban chuyên môn là bộ phận giúp việc cho Ban Thường vụ và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội, các Phó Chủ tịch khi được Chủ tịch Hội phân công.

2. Văn phòng Hội có trách nhiệm quản lý tài sản, tài chính của Hội và điều phối các hoạt động của Hội, các ban và các tổ chức khác của Hội dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Hội.

3. Tùy theo điều kiện thực tế, Hội có thể thành lập một số ban, tổ chức pháp nhân thuộc và trực thuộc Hội hoạt động trong các lĩnh vực: dịch vụ hướng dẫn, tư vấn, đào tạo, kinh doanh... Việc thành lập các tổ chức này phải tuân theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 19. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện Chủ tịch Hội:

a) Tiêu chuẩn:

- Có quốc tịch Việt Nam;
- Chấp hành và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- Có uy tín và hiểu biết về lĩnh vực Hội hoạt động;
- Có khả năng tập hợp, đoàn kết, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên;
- Có năng lực hoạt động thực tiễn hoặc có kết nối trong các quan hệ hữu nghị, hợp tác.

b) Điều kiện:

- Không giữ chức danh chủ tịch quá 02 hội;
- Không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc tham mưu quản lý về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Nhân sự dự kiến Chủ tịch Hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu phải được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, Cục thuế tỉnh Thanh Hóa và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại Hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

4. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Số lượng Phó chủ tịch Hội là 04 người, trong đó có 01 Phó Chủ tịch Thường trực. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội:

a) Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội.

b) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền.

c) Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội được miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực và uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; nhân sự có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân.

b) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về việc Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội vi phạm pháp luật, Điều lệ Hội làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Hội hoặc bị Tòa án kết án có tội.

c) Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội phải đồng thời bầu Chủ tịch khác để thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội hoặc phân công người điều hành hoạt động của Hội trong thời gian chưa bầu được Chủ tịch Hội.

7. Đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị đình chỉ trong các trường hợp: bị tạm giam, tạm giữ để điều tra xét xử theo quy định của pháp luật; vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy chế, quy định của Hội;

b) Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hành vi vi phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội.

Điều 20. Tổng Thư ký

1. Tổng thư ký Hội do Ban Chấp hành bầu trong số Ủy viên Ban Thường vụ. Tiêu chuẩn Tổng thư ký Hội do Ban Chấp hành quy định.

2. Tổng thư ký là người giúp Chủ tịch Hội thực hiện các nhiệm vụ:

a) Xử lý công việc của Văn phòng Hội, thu nhận, tổng hợp thông tin, lập các báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề và các báo cáo khác của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành cho cơ quan nhà nước theo quy định. Ký giấy giới thiệu, giấy đi đường, giấy mời họp, thông báo kết luận hội nghị của Chủ tịch Hội.

b) Chuẩn bị nội dung các cuộc họp của ban Thường vụ, Ban Chấp hành và các hoạt động khác.

c) Chủ trì phối hợp với các bộ phận liên quan lập báo cáo nhiệm kỳ, dự thảo các tài liệu liên quan của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành trình Đại hội nhiệm kỳ.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 21. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 22. Thu hồi con dấu của Hội

Việc thu hồi con dấu đối với Hội đổi tên, Hội bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 23. Tài chính của Hội

1. Nguồn thu của Hội:
 - a) Hội phí hàng năm của hội viên;
 - b) Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
 - c) Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
2. Các khoản chi của Hội:
 - a) Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội (các hoạt động quản lý, dịch vụ, thông tin, tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức tài chính, thuế, kế toán thuế và chi khác có liên quan đến hoạt động của Hội);
 - b) Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
 - c) Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật (chi thù lao, phụ cấp, cho người làm việc của Hội);
 - d) Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

Điều 24. Tài sản của Hội

Tài sản của Hội bao gồm: Trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội; tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội, tài sản do hội viên, các tổ chức, cá nhân hiến, tặng; tài sản được hình thành từ nguồn vốn tự có của Hội, tài sản thuê dài hạn (nếu có). Toàn bộ tài sản của Hội được thể hiện trong sổ sách kế toán của Hội.

Điều 25. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Tài chính, tài sản của Hội khi giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Văn phòng Hội có trách nhiệm quản lý, bảo vệ và sử dụng tài sản đúng mục đích và hiệu quả.
4. Nếu tài sản bị hư hỏng không thể sửa chữa để tiếp tục sử dụng được thì Văn phòng Hội làm thủ tục trình Ban Thường vụ và Chủ tịch Hội quyết định.
5. Ban Chấp hành Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII **KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

Điều 26. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 27. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: khiển trách, cảnh cáo hoặc bị khai trừ ra khỏi Hội. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội Tư vấn Thuế tỉnh Thanh Hóa được Đại hội thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức tán thành.

2. Điều lệ phải được Hội Tư vấn Thuế tỉnh Thanh Hóa hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Tư vấn Thuế tỉnh Thanh Hóa gồm 08 Chương, 29 Điều đã được Đại hội Hội Tư vấn Thuế tỉnh Thanh Hóa thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá ký quyết định phê duyệt.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Tư vấn Thuế tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.